

QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG THỜI ĐẠI TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠI VIỆT NAM: THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN THỊ NGÂN

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 10/7/2026. Sửa chữa xong 10/8/2026. Duyệt đăng 01/9/2026.

Abstract

The rapid adoption of generative AI is creating profound methodological challenges for quality assurance in Vietnamese higher education. This paper examines the systemic challenges facing quality management in the AI era and proposes an integrated set of solutions. These solutions include developing a legal framework grounded in the human-in-the-loop philosophy and redesigning student assessment using the AI Assessment Scale (AIAS) and the Two-Lane Approach. The study further recommends that higher education institutions transition to a dynamic accreditation system by establishing Digital Quality Assurance Command Centers and applying learning analytics, natural language processing (NLP), and blockchain technology to monitor risks and transform AI into a strategic driver of sustainable academic quality.

Keywords: Academic integrity, artificial intelligence in education, digital transformation, dynamic accreditation, educational quality assurance.

1. Đặt vấn đề

Sự thâm nhập của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI) đang tạo ra những chuyển dịch sâu sắc trong giáo dục đại học (GDĐH) toàn cầu. Với khả năng tổng hợp, phân tích và sáng tạo nội dung vượt trội, GenAI đã phá vỡ mối liên kết nhân quả truyền thống giữa kết quả đánh giá và quá trình nhận thức thực chất của người học. Điều này đẩy các cơ sở giáo dục vào một thách thức chưa từng có trong việc đo lường năng lực và duy trì tính toàn vẹn của hệ thống bảo đảm chất lượng (BĐCL) vốn là trụ cột minh chứng cho giá trị đào tạo. Tại Việt Nam, tiến trình tự chủ đại học đòi hỏi các trường phải tăng cường trách nhiệm giải trình thông qua ĐBCL nội bộ. Tuy nhiên, hiện nay đang tồn tại một khoảng trống lớn về khung lý thuyết và các tiêu chuẩn kiểm định để quản trị rủi ro AI, đồng thời khai thác công nghệ đó nhằm tối ưu hóa quản trị chất lượng. Nghiên cứu này nhằm phân tích các thách thức hệ thống của AI đối với công tác BĐCL. Dựa trên sự đối chiếu các khung tiêu chuẩn quốc tế (ENQA, TEQSA, UNESCO) với bối cảnh Việt Nam, bài báo sẽ tái định hình các nội dung quản trị chất lượng cốt lõi và đề xuất hệ sinh thái giải pháp chiến lược, giúp các cơ sở GDĐH thích ứng bền vững và nâng cao năng lực hội nhập trong kỷ nguyên số.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thách thức về quản trị và đảm bảo chất lượng trong thời đại AI

2.1.1. Sự sụp đổ của các cơ chế kiểm soát liêm chính học thuật truyền thống trong “Kỷ nguyên hậu đạo văn”

Liêm chính học thuật là nền tảng bảo chứng chất lượng GDĐH. Tuy nhiên, sự thâm nhập sâu rộng của GenAI đã đẩy hệ thống giáo dục vào “kỷ nguyên hậu đạo văn” (Postplagiarism era) (Eaton, S. E, 2024). GenAI không còn là một công cụ ngoại vi mà đã được “nhúng” (embedded) trực tiếp vào hệ sinh thái học tập. Việc SV lạm dụng AI để kiến tạo các sản phẩm học thuật đang làm xói mòn nghiêm trọng các quy chuẩn cốt lõi về quyền tác giả (authorship) và tính nguyên bản (originality).

Email: nguyennnganccf@gmail.com

Thách thức trọng tâm hiện nay là sự vô hiệu hóa của các phần mềm đối sánh văn bản truyền thống (như Turnitin, DoIT). Trong khi các công cụ này phát hiện đạo văn bằng cách rà soát sự trùng lặp từ cơ sở dữ liệu có sẵn, các mô hình ngôn ngữ lớn (LLMs) lại kiến tạo văn bản dựa trên xác suất chuỗi từ vựng. Hệ quả là GenAI tạo ra những văn bản “nguyên bản về cú pháp nhưng vay mượn hoàn toàn về nhận thức”. Hiện tượng bài làm được viết bởi các “tác giả ma” (ghostwritten assignments) này khiến các công cụ dò tìm truyền thống trở nên bất lực (Sozon, M., Alkharabsheh, O. H. M., Fong, P. W., & Chuan, S. B, 2024). Mặc dù nhiều công ty công nghệ đã cố gắng phát triển các thuật toán nhận diện văn bản AI (AI-detectors) nhưng quá trình triển khai cũng bộc lộ nhiều hạn chế với tỷ lệ sai sót cao (*false positives/false negatives*), dẫn đến nguy cơ SV bị buộc tội gian lận một cách oan uổng, tạo ra các rủi ro pháp lý và tổn hại tâm lý nghiêm trọng cho người học, đe dọa trực tiếp đến tính công bằng của công tác quản trị chất lượng.

2.1.2. Sự khủng hoảng về tính giá trị và độ tin cậy trong đánh giá chuẩn đầu ra tại các trường đại học

Chuẩn đầu ra là thước đo cốt lõi của công tác BDCL. Tuy nhiên, sự can thiệp của AI đang phá vỡ cấu trúc ma trận tương thích (Constructive Alignment) giữa mục tiêu đào tạo và phương pháp đánh giá. Khi người học chuyển giao gánh nặng nhận thức cho AI, điểm số không còn phản ánh trung thực mức độ phát triển năng lực cá nhân, kéo theo sự suy giảm nghiêm trọng các kỹ năng nhận thức bậc cao như tư duy phản biện và giải quyết vấn đề (Isaifan, R. J., & Hasna, M. O, 2025). Tại Việt Nam, sự lạm dụng công nghệ này càng làm trầm trọng thêm khoảng trống kỹ năng nghề nghiệp vốn có. AI trực tiếp chêm ngòi cho hiện tượng lạm phát điểm số, tạo ra nghịch lý giữa văn bằng xuất sắc và sự thiếu hụt năng lực thực chiến. Hệ quả tất yếu là doanh nghiệp phải tiêu tốn tài nguyên đào tạo lại, làm xói mòn nghiêm trọng niềm tin của thị trường lao động vào hệ thống giáo dục và làm suy yếu các nỗ lực quản trị chất lượng truyền thống.

2.1.3. Khủng hoảng năng lực vận hành, thiếu hụt khung chính sách và giới hạn nhận thức

Phần lớn các cơ sở GDĐH hiện đang thiếu hụt khung chiến lược quy chuẩn về BDCL dành riêng cho AI. Phản ứng quản trị hiện nay chủ yếu mang tính phân mảnh, thiên về cấm đoán thay vì kiến tạo chính sách bền vững, dẫn đến khoảng trống lớn trong việc cân bằng giữa tối đa hóa lợi ích và kiểm soát rủi ro từ AI (Warren, S. J., Vogt, E. B., Tincher, B., & Yang, J, 2026).

Tại Việt Nam, rào cản này càng sâu sắc do chênh lệch hạ tầng công nghệ và sự thiếu hụt năng lực số (AI Literacy) của đội ngũ BDCL. Dù tinh thông nghiệp vụ, các kiểm định viên gặp khó trong việc thẩm định minh chứng do AI tạo ra. Hệ quả là việc tích hợp AI thiếu kiểm soát không những không tối ưu hóa hiệu suất mà còn gây nhiễu loạn thông tin, gia tăng gánh nặng hành chính và làm suy yếu hệ thống BDCL nội bộ.

2.2. Giải pháp đề xuất nâng cao quản trị, đảm bảo chất lượng giáo dục đại học trong thời đại AI tại Việt Nam

2.2.1. Xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý và chính sách đạo đức dựa trên triết lý “Lấy con người làm trung tâm”

Giải pháp tiền đề cho công tác kiểm định và ĐBCL là thiết lập hành lang pháp lý đồng bộ từ vĩ mô đến cơ sở, đối chuẩn nghiêm ngặt với Bản hướng dẫn toàn cầu về GenAI trong giáo dục và nghiên cứu (UNESCO, 2023). Triết lý nhân văn này quy định rõ: AI chỉ là công cụ trợ lực, tuyệt đối không thay thế năng lực thấu cảm, tư duy đạo đức và trách nhiệm giải trình của con người. Đối với các ranh giới học thuật trọng yếu (cấp văn bằng, công nhận tín chỉ, tuyển sinh, kỷ luật, khen thưởng), hệ thống bắt buộc vận hành theo mô hình human-in-the-loop. Theo đó, quyền định đoạt cuối cùng thuộc về Hội đồng học thuật nhằm kiểm soát rủi ro thiên kiến và bảo vệ tính công bằng (Warren, S. J., Vogt, E. B., Tincher, B., & Yang, J, 2026).

2.2.2. Tái định hình liêm chính học thuật và thiết lập các khung phương pháp luận kiểm tra, đánh giá

Để BDCL, công tác quản trị cần tái định hình khái niệm liêm chính học thuật một cách thực chất.

Thay vì quản lý theo hướng thuần túy trừng phạt, cấm đoán người học sử dụng AI thì hệ thống kiểm định cần chuyển sang cách tiếp cận sư phạm, định vị liềm chính học thuật là một kỹ năng cần được giáo dục (Gallant, T. B., Davis, M., & Khan, Z. R, 2026). Kỷ nguyên số đòi hỏi việc thiết lập ranh giới minh bạch cho các công cụ công nghệ. Công cụ tiêu chuẩn hóa việc sử dụng GenAI mang tính hệ thống hiện nay là Khung thang đo đánh giá tích hợp AI (AIAS) do Mike Perkins và cộng sự phát triển hiện là hệ tham chiếu thực tiễn, giúp xác định mức độ ứng dụng công nghệ phù hợp với từng mục tiêu học tập qua 5 cấp độ:

Bảng 1: Khái quát Khung thang đo đánh giá tích hợp AI

Cấp độ quy định trong khung AIAS	Đặc điểm thâm nhập của công nghệ GenAI	Yêu cầu đối với quy trình BDCL và đánh giá
Mức 1: Không sử dụng AI (No AI)	Nghiêm cấm hoàn toàn sự can thiệp của AI. Bài đánh giá diễn ra trên giấy hoặc trong phòng máy tính đã ngắt kết nối mạng an toàn.	BDCL giám sát trực tiếp. Mục đích đo lường kiến thức nền tảng, tư duy độc lập thuần túy và năng lực ghi nhớ cốt lõi.
Mức 2: AI hỗ trợ Lập kế hoạch (AI Planning)	SV được phép sử dụng AI như một công cụ tạo ý tưởng, lập dàn ý cấu trúc. Tuy nhiên, toàn bộ quá trình viết luận và lập luận chi tiết phải do con người tự triển khai.	SV nộp kèm lịch sử hội thoại (prompts) để chứng minh bản quyền ý tưởng. Đánh giá tập trung vào tính độc lập trong khâu triển khai nội dung.
Mức 3: Cộng tác với AI (AI Collaboration)	AI đóng vai trò như “trợ lý nghiên cứu”. Hỗ trợ phân tích dữ liệu, gợi ý cách diễn đạt, sửa lỗi ngữ pháp nâng cao. Dù vậy, các quyết định lập luận chuyên môn và nội dung cốt lõi phải do SV làm chủ.	Hệ thống đảm bảo chất lượng đánh giá sâu năng lực tư duy phản biện. SV phải lý giải tại sao chấp nhận/bác bỏ gợi ý của máy móc. Yêu cầu khai báo sử dụng công cụ nghiêm ngặt.
Mức 4: Sử dụng AI Toàn diện (Full AI)	SV được phép tạo ra phần lớn bản nháp đầu tiên bằng cách giao tiếp với GenAI, sau đó can thiệp sâu để biên tập, hiệu đính, bổ sung dữ kiện và cấu trúc lại theo ý đồ chuyên môn.	Chú trọng đánh giá quy trình làm việc thay vì sản phẩm cuối. Chăm điểm kỹ năng hiệu đính, năng lực thẩm định thông tin và kỹ năng đặt câu lệnh (prompt engineering).
Mức 5: Khám phá cùng AI (AI Exploration)	Sự tích hợp vô hạn. SV và AI đồng sáng tạo để giải quyết các thách thức phức tạp, không giới hạn công cụ nhằm mô phỏng thực tế làm việc ngoài xã hội.	Đánh giá tư duy nhận thức bậc cao, năng lực lãnh đạo dự án công nghệ và khả năng giải quyết vấn đề đa chiều mang tính ứng dụng thực tiễn.

Nguồn: Curtis, G. J. (2025)

Song hành với AIAS, mô hình đánh giá “Đa làn” (*Two-lane/Multi-lane approach*) do các trường đại học hàng đầu của Úc như Đại học Sydney và Đại học New South Wales) khởi xướng cũng cung cấp một cấu trúc quản trị đánh giá song song. Làn thứ nhất (*Restrictive lane*) áp dụng điều kiện kiểm tra an ninh cao, khép kín (như thi vấn đáp, thi tự luận trực tiếp tại lớp) để đánh giá kiến thức nền tảng độc lập. Làn thứ hai (*Open lane*) tập trung vào các bài “đánh giá đích thực” (*authentic assessments*), cho phép sử dụng GenAI một cách có đạo đức nhằm tối ưu hóa năng suất công việc. Việc áp dụng các mô hình này nhằm định hướng kỹ năng hợp tác với máy móc thay vì cấm đoán (Bellamy, C. 2025).

Theo tài liệu hướng dẫn chuyên sâu của Cơ quan Tiêu chuẩn và Chất lượng Giáo dục Đại học Úc (TEQSA), các cơ sở giáo dục không thể ảo tưởng vào việc chiến thắng AI thông qua một cuộc chạy đua phát triển các phần mềm chống gian lận. Giải pháp cốt lõi và bền vững mang tính cấu trúc là tái thiết kế lại toàn bộ phương thức kiểm tra, đánh giá người học, cụ thể:

- *Gia tăng phương pháp đánh giá kháng AI (AI-resistant)*: Ưu tiên các hình thức tương tác học thuật trực tiếp như vấn đáp, bảo vệ luận văn/đồ án và kiểm tra năng lực thực hành nghề tại phòng máy/ phòng thí nghiệm/xưởng thực hành,... nhằm đo lường chính xác năng lực cốt lõi.

- *Đánh giá quá trình nhận thức thay vì sản phẩm*: Chuyển đổi phương pháp từ đánh giá tổng kết sang việc ghi nhận các bước tư duy trung gian. Bắt buộc SV minh chứng quá trình làm việc bằng cách giải trình lịch sử câu lệnh và bảo vệ lập luận khi sử dụng dữ liệu từ AI.

- *Đồng bộ hóa khung đánh giá toàn quốc*: Khuyến khích ứng dụng GenAI như một năng lực cạnh tranh, đi kèm tiêu chí rõ ràng để bảo đảm ranh giới đạo đức và sự bình đẳng.

2.2.3. Đào tạo, nâng cao tri thức trí tuệ nhân tạo và phát triển khung năng lực số

Các cơ sở giáo dục cần khẩn trương thiết lập Khung năng lực AI (AI Competency Framework) toàn diện cho ba nhóm nhân sự cốt lõi: - *Cấp quản lý và kiểm định viên*: Cần được trang bị năng lực quản trị thuật toán nhằm thẩm định chính xác dữ liệu số hóa, nhận diện thiên kiến công nghệ và hoạch định chiến lược giáo dục hội nhập; - *Giảng viên*: Cần đổi mới triết lý sư phạm, ứng dụng AI để thúc đẩy tư duy phản biện của người học, đảm bảo quá trình tiếp nhận tri thức mang tính nhân bản và duy trì tính độc lập; - *SV*: AI cần được đưa vào chương trình giáo dục bắt buộc. Trọng tâm là rèn luyện đạo đức học thuật, nhận thức rõ rủi ro (như ảo giác AI) và phát triển tư duy làm chủ công nghệ thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào máy móc.

Lưu ý rằng: Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ đòi hỏi quy trình xây dựng các bộ chuẩn về Khung năng lực AI phải linh hoạt và có tầm nhìn dài hạn nhằm tránh tụt hậu. Đồng thời, việc thể chế hóa các tiêu chuẩn trong toàn bộ hệ thống GDĐH và nghề nghiệp cần triển khai đồng bộ với phát triển nhân lực. Các đợt tập huấn cho đội ngũ kiểm định, chuyên trách BDCL và GV cần chú trọng tính thực hành ứng dụng.

2.2.4. Từng bước chuyển dịch trọng tâm từ quản trị rủi ro sang kiến tạo giá trị, biến AI thành cốt lõi vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Để bứt phá khỏi những giới hạn của mô hình BDCL truyền thống (*vốn mang tính thời vụ, thường 5 năm mới lập đoàn tự đánh giá một lần và tốn hàng tháng trời để chuẩn bị hàng nghìn trang hồ sơ minh chứng giấy*), các cơ sở GDĐH cần khẩn trương quy hoạch các Trung tâm điều hành chất lượng số (Digital QA Command Centers). Giải pháp này kiến tạo một nền tảng kiểm định động (Dynamic Accreditation). Thay vì “khám sức khỏe định kỳ 5 năm một lần”, hệ thống AI sẽ đóng vai trò như một thiết bị “đo nhịp tim liên tục 24/7” cho nhà trường.

Cụ thể, hệ thống AI sẽ tự động hóa quy trình rà soát dữ liệu hàng ngày. Bằng cách áp dụng các mô hình phân tích dự báo, AI liên tục đo lường mức độ đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định thông qua các KPI thiết yếu như: tỷ lệ SV rớt môn, điểm số từng môn, từng học kỳ, tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp,... để kịp thời báo động cho nhà trường xử lý. Ví dụ: tỷ lệ SV nợ môn học đột nhiên tăng vọt, hệ thống AI sẽ lập tức phát cảnh báo đỏ trên màn hình điều hành để Ban giám hiệu/Bộ phận liên quan nhận diện điểm nghẽn và kịp thời đôn đốc, xử lý. Đột phá của giải pháp này nằm ở việc tích hợp song hành công nghệ chuỗi khối (Blockchain) như một “giám sát viên kỹ thuật số”. Mọi quyết định học vụ và bảng điểm của SV sau khi cập nhật sẽ được mã hóa và đóng gói vĩnh viễn trên chuỗi khối, triệt tiêu hoàn toàn rủi ro giả mạo, sửa điểm hoặc chỉnh sửa hồ sơ trái phép, qua đó cung cấp cho các đoàn kiểm định ngoài một cơ sở dữ liệu minh bạch tuyệt đối. Cùng với đó, các trường đại học cũng cần nghiên cứu triển khai hệ thống Phân tích học tập (Learning Analytics) thông qua công nghệ Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP). Như chúng ta đã biết, hiện nay các trường đều tiến hành thu thập và xử lý ý kiến phản hồi từ người học sau khi kết thúc mỗi học kỳ, phương pháp thu thập chủ yếu qua link google form, qua phần mềm quản lý đào tạo, đôi khi là khảo sát trực tiếp (phát phiếu khảo sát). Sau khi khảo sát xong, công tác xử lý “Phiếu khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy cuối kỳ” cũng đang là một gánh nặng hành chính. Khi áp dụng NLP, máy tính có khả năng đọc hiểu hàng chục nghìn phiếu khảo sát định tính chỉ trong vài giây, hệ thống sẽ tự động vạch ra xu hướng và tóm tắt thành một báo cáo ngắn gọn cho Ban giám hiệu, chẳng hạn như: Kỳ học này, có 75% SV năm thứ nhất phàn nàn GV môn Toán cao cấp giảng quá nhanh và 40% SV Khoa IT không hài lòng vì máy tính phòng thực hành liên tục hỏng. Tiến xa hơn, khi được tích hợp vào Hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS), AI sẽ liên tục giám sát hành vi của người học (như thời gian xem bài giảng, tỷ lệ luyện tập, tỷ lệ làm đúng bài tập, thời gian hoàn thành bài,...) để đánh giá sự đồng bộ của chuẩn đầu ra. Hệ thống sẽ đối chiếu ma trận tương thích (tức là kiểm tra xem đề thi thực tế có thực sự đánh giá đúng mục tiêu của môn học hay không, qua đó cung cấp các

minh chứng bằng số liệu cụ thể để nhà trường kịp thời điều chỉnh lại giáo trình, chương trình chi tiết môn học, chương trình đào tạo,...

Việc chuyển đổi sang hệ sinh thái bảo đảm chất lượng dựa trên AI là một tiến trình phức tạp. Để tránh sự xáo trộn, các cơ sở giáo dục cần thực thi theo lộ trình 3 giai đoạn chặt chẽ, đi kèm với các biện pháp quản trị rủi ro cụ thể:

- *Giai đoạn 1 - Thí điểm cấp Khoa*: Thay vì áp dụng ồ ạt, nhà trường chỉ chọn 1 đến 2 khoa mũi nhọn hoặc có sẵn lợi thế công nghệ (ví dụ: Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Kinh tế) làm thí điểm. Trọng tâm là dùng thuật toán NLP để đọc nhanh các phiếu khảo sát sau môn học. Trong quá trình thí điểm, nhà trường cần nhận diện rủi ro và đề xuất phương án khắc phục làm tiền đề khi triển khai trên diện rộng.

Ví dụ: AI có thể hiểu sai ngữ cảnh tiếng Việt khi SV bình luận trong phiếu khảo sát là “*Thầy giảng bài ru ngủ cực kỳ hiệu quả*”, AI bắt được từ khóa “hiệu quả” và chấm điểm đây là một phản hồi tích cực. Khi đó, nhà trường buộc phải có bước “xác thực chéo”. Chuyên viên BĐCL sẽ bốc ngẫu nhiên 15% kết quả của AI để đọc lại bằng mắt, qua đó phát hiện sự mỉa mai và hiệu chỉnh lại thuật toán.

- *Giai đoạn 2 - Tích hợp cấp Trường*: Hệ thống AI được cắm rễ trực tiếp vào nền tảng học trực tuyến (LMS) của toàn trường để giám sát quá trình học tập. Khi hệ thống phân tích học tập (*Learning Analytics*) quét dữ liệu trên LMS toàn trường, rủi ro rò rỉ thông tin cá nhân và vi phạm quyền riêng tư lên nền tảng đám mây mở là rất cao. Đồng thời, hiện tượng thiên kiến thuật toán (*algorithmic bias*) có thể tự động đưa ra các dự báo sai lệch, khuếch đại sự phân biệt đối xử với nhóm SV yếu thế. Điều này đòi hỏi nhà trường cần khẩn trương ban hành và thể chế hóa các quy định bảo vệ dữ liệu nội bộ chặt chẽ. Mọi quyết định cảnh báo học vụ sinh ra từ thuật toán bắt buộc phải trải qua quá trình thẩm định của con người, trao quyền phán quyết cuối cùng cho Hội đồng học thuật.

Ví dụ: AI phát hiện một SV nghỉ học 5 buổi, nợ 3 môn và tự động đề xuất quyết định “*Buộc thôi học*”. Giải pháp là AI chỉ được quyền gửi “*Cảnh báo học tập*” đến giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập. Thầy cô cố vấn sẽ trực tiếp xem xét hoàn cảnh, xác minh lý do (ví dụ: SV vừa trải qua tai nạn phải nằm viện) để đưa ra quyết định nhân văn và chính xác cuối cùng, không phó mặc cho máy móc.

- *Giai đoạn 3: Vận hành chính thức Trung tâm Digital QA Command Centers và thực hiện đổi chuẩn với các trung tâm kiểm định quốc tế*: Giai đoạn này đòi hỏi nhà trường phải có nguồn tài chính khổng lồ để vận hành và duy trì hệ thống, không những thế, việc đồng bộ chuẩn dữ liệu để đối chuẩn với các tổ chức kiểm định quốc tế để gặp trực trực về tương thích kỹ thuật. Tuy nhiên, hiệu quả mang lại khá cao, khi SV tốt nghiệp và nộp hồ sơ xin việc, nhà tuyển dụng hoặc các tổ chức kiểm định quốc tế chỉ cần quét mã QR trên văn bằng là đối chiếu được ngay dữ liệu gốc trên Blockchain, bỏ qua hoàn toàn các khâu in ấn, đóng dấu giáp lai, sao y chứng thực thủ công.

3. Kết luận

Sự hội tụ giữa AI và giáo dục không đơn thuần là một đợt nâng cấp công nghệ mà là cuộc tái thiết toàn diện về thể chế, phương pháp luận sư phạm và hệ giá trị đạo đức. Hệ thống BĐCL đang đứng trước ngã rẽ sống còn: hoặc sụp đổ dưới áp lực lạm phát văn bằng và vi phạm liêm chính hoặc chủ động vươn lên thành một hệ sinh thái kiểm định động (Dynamic QA) vận hành dựa trên dữ liệu thời gian thực (Real-time Data). Để làm chủ cuộc chơi này, các cơ sở đào tạo buộc phải thiết kế cơ chế đánh giá đa lần và hội nhập sâu rộng vào các mạng lưới đối chuẩn quốc tế. Tựu trung lại, dù các thuật toán Machine Learning có tinh vi đến đâu, chúng vĩnh viễn không thể thay thế tư duy phản biện (Critical Thinking) và năng lực phán đoán đạo đức của những chuyên gia sư phạm. Mục đích tối thượng của kỷ nguyên số không phải là dùng máy móc thay thế sự phức tạp của quá trình học tập mà là biến AI thành đòn bẩy khuếch đại vô hạn tiềm năng trí tuệ con người. Quyết tâm đổi mới chiến lược quản trị chất lượng ngay hôm nay chính là bảo chứng vững chắc nhất cho sự tự chủ, bứt phá và phát triển bền vững của nền giáo dục trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Bellamy, C. (2025, September 29). *Bridging the Two-Lane Approach and the AI Assessment Scale: A comprehensive framework for higher education*. *CraigBellamy.net*.
<https://www.craigbellamy.net/2025/09/29/bridging-the-two-lane-approach-and-the-ai-assessment-scale-a-comprehensive-framework-for-higher-education/>.
- Curtis, G. J. (2025). The two-lane road to hell is paved with good intentions: Why an all-or-none approach to generative AI, integrity, and assessment is insupportable. *Higher Education Research & Development*, 44(8), 2151-2158. <https://doi.org/10.1080/07294360.2025.2476516>.
- Eaton, S. E. (2024). Future-proofing integrity in the age of artificial intelligence and neurotechnology: Prioritizing human rights, dignity, and equity. *International Journal for Educational Integrity*, 20, 21. <https://doi.org/10.1007/s40979-024-00175-2>.
- Gallant, T. B., Davis, M., & Khan, Z. R. (2026). *Academic integrity in the age of AI*. Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/9781009672078>.
- Isaifan, R. J., & Hasna, M. O. (2025). Artificial intelligence for quality assurance in higher education: A policy-to-practice model from Qatar with global relevance. *Quality in Higher Education*, 31(3), 288-303. <https://doi.org/10.1080/13538322.2025.2576326>.
- Sozon, M., Alkharabsheh, O. H. M., Fong, P. W., & Chuan, S. B. (2024). Cheating and plagiarism in higher education institutions (HEIs): A literature review. *F1000Research*, 13, 788. <https://doi.org/10.12688/f1000research.147140.2>.
- Warren, S. J., Vogt, E. B., Tinch, B., & Yang, J. (2026). Enhancing quality assurance through strategic artificial intelligence integration: A framework for higher education digital transformation. *Quality Assurance in Education*, 34(2), 205-222. <https://doi.org/10.1108/QAE-09-2024-0183>.

ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN LUẬT...

Tiếp theo trang 112

3. Kết luận

Đổi mới CTĐT cử nhân luật theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra (OBE) là bước chuyển dịch chiến lược tất yếu nhằm đáp ứng yêu cầu của Quyết định 1056/QĐ-TTg và Quyết định 678/QĐ-BGDĐT. Bằng cách vận dụng quy trình “thiết kế ngược” và nguyên tắc “tương thích kiến tạo”, các CSGD có thể khắc phục hạn chế của tư duy đào tạo dựa trên nội dung, đảm bảo sự thống nhất chặt chẽ giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra, hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá. Việc áp dụng đồng bộ các công cụ như thang đo Bloom, ma trận phân bổ và Rubric không chỉ giúp lượng hóa và minh chứng chất lượng đào tạo mà còn giải quyết bài toán SV biết luật nhưng không có kỹ năng thực hành nghề luật. Đây là cơ sở để chuyển hóa quy trình đào tạo từ thế bị động sang chủ động, cung cấp nguồn nhân lực pháp lý vững về lý luận và pháp luật thực định, đồng thời có năng lực thực hành nghề luật đáp ứng các yêu cầu về nguồn nhân lực nghề luật chất lượng cao của thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.
- Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tạo (2024). *Quyết định số 761/QĐ-BGDĐT ngày 07/3/2024 triển khai thực hiện Quyết định số 1056/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023-2030*.
- Biggs J. (2014). *Constructive alignment in university teaching*. *HERDSA Review of Higher Education*, Vol. 1, 2014. www.hersa.org.au/herdsa-review-higher-education-vol-1/5-22.
- Grand Wiggins, Jay McTighe. (2005). *Understanding by Design. Expanded 2nd ed.* Alexandria, VA: Association for Supervision and Curriculum Development. <https://andymatuschak.org/files/papers/Wiggins,%20McTighe%20-%202005%20-%20Understanding%20by%20design.pdf>.
- Lê Khánh Tùng (2022). Sử dụng thang nhận thức Bloom đảo chiều trong dạy học thực hành viết văn bản nghị luận xã hội cho học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 22 (số đặc biệt 5), 12-17. https://csdlkhoahoc.hueuni.edu.vn/data/2023/5/Le_Khanh_Tung_BB_2022.pdf, truy cập ngày 08/6/2026).
- Quốc hội (2012, 2018). *Luật Giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2018*.
- Spady, WG. (1994). *Outcome-Based Education: Critical Issues and Answers*. Arlington, VA: American Association of School Administrators. <https://files.eric.ed.gov/fulltext/ED380910.pdf>, truy cập ngày 08/6/2026
- Thủ tướng Chính phủ (2023). *Quyết định số 1056/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023-2030*.